

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2017 ĐẾN NGÀY 30/06/2017**

---

*Vĩnh Phúc, tháng 10 năm 2017*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Hách	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sinh Quyền	Ủy viên
Bà Trần Thị Kiều Nga	Ủy viên
Ông Hoàng Xuân Việt	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Trung	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Hách	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

#### **Kế toán trưởng**

Bà Nguyễn Thị Hương Huyền	Kế toán trưởng
---------------------------	----------------

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 07 năm 2012, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 về việc quản trị Công ty áp dụng cho Công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Hách**  
**Tổng Giám đốc**

Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 10 năm 2017



Số: /2017/UHY -BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 06/10/2017, từ trang 06 đến trang 42 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Tới thời điểm 30/06/2017, tổng số công nợ tồn đọng trên 6 tháng của Công ty với số tiền là: 45.826.740.332 đồng, số trích lập dự phòng ước tính số tiền là: 6.036.459.600 đồng. Tuy nhiên, tới thời điểm soát xét, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản công nợ tồn đọng này. Nếu trích lập dự phòng thì chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty tăng 6.036.459.600 đồng, khoản mục lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2017 giảm 6.036.459.600 đồng.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến “từ chối”.



---

**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666- 2014-112-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2017*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 30/06/2017*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>336.891.950.828</b>	<b>322.158.994.481</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>5.037.218.760</b>	<b>4.414.664.309</b>
Tiền	111		5.037.218.760	4.414.664.309
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>236.523.492.960</b>	<b>183.194.598.598</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	176.379.693.357	116.702.119.963
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	35.770.757.937	40.417.268.957
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	17.666.000.000	8.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	6.959.901.245	18.075.209.678
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(252.859.579)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>89.097.060.666</b>	<b>127.878.259.066</b>
Hàng tồn kho	141		89.097.060.666	127.878.259.066
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>234.178.442</b>	<b>671.472.508</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	221.524.097	444.598.252
Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.654.345	226.874.256
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>113.584.055.093</b>	<b>129.069.208.424</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.349.399.400</b>	<b>2.349.399.400</b>
Phải thu dài hạn khác	216	7	2.349.399.400	2.349.399.400
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>101.690.966.923</b>	<b>96.142.805.490</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	82.902.561.018	75.946.722.935
- Nguyên giá	222		132.704.067.517	119.266.904.617
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.801.506.499)	(43.320.181.682)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	18.788.405.905	20.196.082.555
- Nguyên giá	225		23.652.466.363	23.652.466.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.864.060.458)	(3.456.383.808)
Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		48.554.000	48.554.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(48.554.000)	(48.554.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.479.238.556</b>	<b>11.812.201.456</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	6.479.238.556	11.812.201.456
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>15.553.870.298</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	15.553.870.298
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.064.450.214</b>	<b>3.210.931.780</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.064.450.214	3.210.931.780
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>450.476.005.921</b>	<b>451.228.202.905</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 30/06/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>309.007.367.862</b>	<b>289.653.384.480</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>281.572.723.524</b>	<b>262.219.397.570</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	61.606.648.846	35.427.631.172
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		788.940.681	2.245.870.096
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	13.062.700.795	10.296.458.046
Phải trả người lao động	314		10.976.923	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	3.921.437.367	1.005.691.162
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.058.125.888	4.665.323.488
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	199.948.629.937	207.883.303.840
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.175.263.087	695.119.766
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.434.644.338</b>	<b>27.433.986.910</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	27.434.644.338	27.433.986.910
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>141.468.638.059</b>	<b>161.574.818.425</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>141.468.638.059</b>	<b>161.574.818.425</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		144.000.000.000	144.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		144.000.000.000	144.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.022.505.637	1.394.393.020
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.553.867.578)	16.180.425.405
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		14.318.577.648	3.618.173.067
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(18.872.445.226)	12.562.252.338
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>450.476.005.921</b>	<b>451.228.202.905</b>



Nguyễn Hách  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 10 năm 2017

Nguyễn Thị Hương Huyền  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương Huyền  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>153.804.035.336</b>	<b>137.437.331.124</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>153.804.035.336</b>	<b>137.437.331.124</b>
Giá vốn hàng bán	11	22	160.790.382.668	120.536.772.311
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(6.986.347.332)</b>	<b>16.900.558.813</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	594.483.740	1.162.003.149
Chi phí tài chính	22	24	8.786.398.451	6.995.254.070
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>8.412.894.138</i>	<i>6.223.527.569</i>
Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		-	(21.154.477)
Chi phí bán hàng	25	25	1.181.519.268	1.423.411.614
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2.673.182.049	1.938.792.509
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(19.032.963.360)</b>	<b>7.705.103.769</b>
Thu nhập khác	31	26	1.336.029.843	866.019
Chi phí khác	32	27	1.175.511.709	15.872.328
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>160.518.134</b>	<b>(15.006.309)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(18.872.445.226)</b>	<b>7.690.097.460</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	1.541.831.668
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(18.872.445.226)</b>	<b>6.148.265.792</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(18.872.445.226)	6.148.265.792
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>30</b>	<b>(1.311)</b>	<b>495</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>31</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



Nguyễn Hách  
Tổng Giám đốc  
Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 10 năm 2017

Nguyễn Thị Hương Huyền  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương Huyền  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(18.872.445.226)</b>	<b>7.690.097.460</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		7.889.001.467	6.896.057.179
Các khoản dự phòng	03		252.859.579	-
(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.905.246	14.382.327
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(252.058.275)	(1.081.433.018)
Chi phí lãi vay	06		8.412.894.138	6.223.527.569
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(2.563.843.071)</b>	<b>19.742.631.517</b>
(Tăng) các khoản phải thu	09		(57.264.826.632)	(28.166.153.003)
(Tăng) hàng tồn kho	10		38.781.198.401	(20.479.389.472)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		69.611.135.812	3.715.470.503
Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	12		369.555.721	1.053.893.537
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.798.097.163)	(6.479.630.502)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		11.427.705.122	984.766.689
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9.042.929.986)	(4.884.782.209)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>45.519.898.204</b>	<b>(34.513.192.940)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(89.074.182)	(159.479.787)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.666.000.000)	(54.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.000.000.000	65.700.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(15.680.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15.680.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		252.058.275	1.081.433.018
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>6.176.984.093</b>	<b>(3.058.046.769)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	48.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	40.126.887.500	121.326.511.501
Tiền trả nợ gốc vay	34	(91.195.310.100)	(129.090.241.138)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(1.599.036.841)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(51.068.422.600)</b>	<b>38.637.233.522</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>628.459.697</b>	<b>1.065.993.813</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4.414.664.309</b>	<b>913.219.566</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(5.905.246)	(14.382.327)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.037.218.760</b>	<b>1.964.831.052</b>



Nguyễn Hách  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 10 năm 2017

Nguyễn Thị Hương Huyền  
Kê toán trưởng

Nguyễn Thị Hương Huyền  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty TNHH MTV G.Home, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500395568 ngày 20 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 18 tháng 4 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 ngày 11 tháng 4 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là:

- Sản xuất bông tấm, chăn vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất đệm;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc;
- Gia công hàng may mặc.

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty theo tháng, các sản phẩm bông đệm được sản xuất trong tháng và tính giá thành vào cuối tháng. Sản phẩm sản xuất được trong tháng sẽ được chuyển xuống cho các đại lý bán theo đơn đặt hàng.

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tại 30/06/2017, Công ty có 01 Công ty con là: Công ty Cổ phần Texnam – Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Lâm Thao, xã Hợp Hòa, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May G.Home (Công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Texnam (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty trong Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

**2.3 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao là các khoản đầu tư có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định tại ngày báo cáo và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.3 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

**3.7 THUÊ TÀI SẢN**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

***Phần mềm máy tính***

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

**3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.12 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.13 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.15 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home, Công ty TNHH MTV Đệm và Nội thất G.Home, Công ty TNHH Bông và Chăn bông G.Home, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	4.473.199.924	3.085.249.627
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	564.018.836	1.329.414.682
	<b>5.037.218.760</b>	<b>4.414.664.309</b>

**5. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<b>30/06/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home (1)	17.666.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Bá Minh	-	-	5.000.000.000	-
- Bà Lê Thị Phụng	-	-	3.000.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>17.666.000.000</b>	<b>-</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>-</b>

(1) Theo Hợp đồng cho vay ngày 01 tháng 04 năm 2017, thời hạn cho vay 06 tháng theo từng lần chuyển khoản, cho vay bằng tín chấp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>30/06/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	<b>Giá trị VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá trị VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>176.379.693.357</b>	-	<b>116.702.119.963</b>	-
- Công ty Cổ Phần Thương Mại và Du Lịch Lan Vinh	35.423.628.607	-	17.908.020.416	-
- Công ty Cổ phần Việt Đức Hà Nội	17.128.121.789	-	15.664.002.600	-
- Công ty TNHH MTV Đệm và Nội Thất G.Home	18.310.892.850	-	18.310.892.850	-
- Công ty TNHH thương mại và công nghệ Việt Phúc Nam	8.252.926.250	-	10.751.001.250	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	15.172.536.066	-	280.500.000	-
- Công ty TNHH Bông và Chân bông G.Home	16.048.262.704	-	5.516.683.062	-
- Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Everhome	31.709.495.284	-	346.500.000	-
- Các đối tượng khác	34.333.829.807	-	47.924.519.785	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>176.379.693.357</b>	-	<b>116.702.119.963</b>	-
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>				
- Công ty TNHH MTV Đệm và Nội Thất G.Home	18.310.892.850	-	18.310.892.850	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	15.172.536.066	-	280.500.000	-
- Công ty TNHH Bông và Chân bông G.Home	16.048.262.704	-	5.516.683.062	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/06/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	<b>Giá trị VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá trị VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.959.901.245</b>	-	<b>18.075.209.678</b>	-
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	3.551.988.000	-	15.783.961.678	-
- Ký cược, ký quỹ	1.207.444.704	-	-	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	2.200.468.541	-	2.291.248.000	-
+ <i>Lãi dự thu</i>	<i>155.317.499</i>	-	<i>50.263.611</i>	-
+ <i>Thuế GTGT hàng Nhập khẩu chưa được khấu trừ</i>	<i>1.436.989.988</i>	-	<i>2.027.886.515</i>	-
+ <i>Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Lan Vinh</i>	<i>25.525.500</i>	-	-	-
+ <i>Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home</i>	<i>132.221.528</i>	-	-	-
+ <i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>450.414.026</i>	-	<i>213.097.874</i>	-
<b>Dài hạn</b>	<b>2.349.399.400</b>	-	<b>2.349.399.400</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	2.349.399.400	-	2.349.399.400	-
	<b>9.309.300.645</b>	-	<b>20.424.609.078</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>30/06/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	<b>Giá trị VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá trị VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>35.770.757.937</b>	<b>(252.859.579)</b>	<b>40.417.268.957</b>	-
- Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng An Phát	-	-	1.020.625.819	-
- Công ty cổ phần May và Xuất Nhập Khẩu Sơn Tây	6.732.868.589	-	4.272.150.874	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	-	-	9.170.614.696	-
- Công ty TNHH Golden Vtec	7.967.000.000	-	7.967.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Đệm và Nội Thất G.Home	8.134.858.358	-	8.725.754.885	-
- Foshan Yuantian Mattress Machinery Co., LTD	202.403.979	(202.403.979)	202.403.979	-
- Hohenstein Textile Testing Institute GMBH and Co.KG	21.746.650	(21.746.650)	21.746.650	-
- Shanghai Sail, International Trading Co.,LTD	28.708.950	(28.708.950)	28.708.950	-
- Công ty cổ phần Khánh Huy Phú Thọ	7.200.000.000	-	7.200.000.000	-
- Công ty cổ phần xây dựng thương mại Nam Thắng	3.800.000.000	-	1.800.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.683.171.411	-	8.263.104	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>35.770.757.937</b>	<b>(252.859.579)</b>	<b>40.417.268.957</b>	-
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>				
- Công ty TNHH MTV Đệm và Nội Thất G.Home	8.134.858.358	-	8.725.754.885	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	-	-	9.170.614.696	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/06/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	75.516.467.855	-	95.467.622.595	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	571.380.932	-	-	-
Thành phẩm	4.630.495.074	-	14.755.392.895	-
Hàng hóa	311.693.396	-	3.427.802.914	-
	<b>89.097.060.666</b>	<b>-</b>	<b>127.878.259.066</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>01/01/2017</b>	<b>28.138.251.816</b>	<b>87.351.850.985</b>	<b>3.776.801.816</b>	<b>119.266.904.617</b>
- Mua trong kỳ	-	8.072.500.000	-	8.072.500.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	5.364.662.900	-	-	5.364.662.900
<b>30/06/2017</b>	<b>33.502.914.716</b>	<b>95.424.350.985</b>	<b>3.776.801.816</b>	<b>132.704.067.517</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
<b>01/01/2017</b>	<b>(5.074.660.631)</b>	<b>(36.387.967.326)</b>	<b>(1.857.553.725)</b>	<b>(43.320.181.682)</b>
- Khấu hao trong kỳ	(685.138.508)	(5.526.414.747)	(269.771.562)	(6.481.324.817)
<b>30/06/2017</b>	<b>(5.759.799.139)</b>	<b>(41.914.382.073)</b>	<b>(2.127.325.287)</b>	<b>(49.801.506.499)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>01/01/2017</b>	<b>23.063.591.185</b>	<b>50.963.883.659</b>	<b>1.919.248.091</b>	<b>75.946.722.935</b>
<b>30/06/2017</b>	<b>27.743.115.577</b>	<b>53.509.968.912</b>	<b>1.649.476.529</b>	<b>82.902.561.018</b>

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 530.718.273 đồng;

Tài sản cố định đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay Nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là: 132.704.067.517 đồng và 82.902.561.018 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>221.524.097</b>	<b>444.598.252</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	28.840.438	24.307.152
- Chi phí mua bảo hiểm, bảo trì đường bộ	93.131.263	271.091.731
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	51.991.185	149.199.369
- Các khoản khác	47.561.211	-
<b>Dài hạn</b>	<b>3.064.450.214</b>	<b>3.210.931.780</b>
- Chi phí giải phóng mặt bằng	2.309.913.812	2.337.744.098
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	594.612.236	687.636.576
- Các khoản trả trước khác	159.924.166	185.551.106
	<b>3.285.974.311</b>	<b>3.655.530.032</b>

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
<b>01/01/2017</b>	<b>23.652.466.363</b>	<b>23.652.466.363</b>
<b>30/06/2017</b>	<b>23.652.466.363</b>	<b>23.652.466.363</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
<b>01/01/2017</b>	<b>(3.456.383.808)</b>	<b>(3.456.383.808)</b>
- Khấu hao trong kỳ	(1.407.676.650)	(1.407.676.650)
<b>30/06/2017</b>	<b>(4.864.060.458)</b>	<b>(4.864.060.458)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
<b>01/01/2017</b>	<b>20.196.082.555</b>	<b>20.196.082.555</b>
<b>30/06/2017</b>	<b>18.788.405.905</b>	<b>18.788.405.905</b>

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là “Phần mềm kế toán” đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Công trình nhà máy dệt Lâm Thao Phú Thọ	6.479.238.556	6.479.238.556
- Công trình nhà điều hành	-	5.332.962.900
	<b>6.479.238.556</b>	<b>11.812.201.456</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.921.437.367</b>	<b>1.005.691.162</b>
- Chi phí lãi vay	3.921.437.367	1.005.691.162
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>3.921.437.367</b>	<b>1.005.691.162</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.058.125.888</b>	<b>4.665.323.488</b>
- Bảo hiểm xã hội	578.125.888	345.323.488
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	480.000.000	4.320.000.000
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>1.058.125.888</b>	<b>4.665.323.488</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>30/06/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng</b>
	<b>VND</b>	<b>trả nợ</b>	<b>VND</b>	<b>trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>61.606.648.846</b>	-	<b>35.427.631.172</b>	-
- Công ty CP XNK đầu tư thương mại Box	5.778.000.000	-	5.778.000.000	-
- Công ty TNHH Shinhan Vina	2.193.410.997	-	2.193.410.997	-
- Công ty TNHH đầu tư thương mại Đức Hà	13.465.760.000	-	4.586.010.000	-
- Guangxi Candently Import And Export Co., LTD	3.302.375.000	-	3.304.550.000	-
- HUVIS CORPORATION	3.809.255.400	-	1.982.730.000	-
- Iwon International INC	1.737.163.125	-	4.097.072.250	-
- Line Textile Co., LTD	1.671.372.527	-	2.170.158.150	-
- Phải trả người bán khác	29.649.311.797	-	11.315.699.775	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>61.606.648.846</b>	-	<b>35.427.631.172</b>	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>01/01/2017</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>30/06/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.350.366.515	16.214.519.620	13.580.909.187	4.983.976.948
- Thuế xuất, nhập khẩu	24.556.406	4.042.827	28.599.233	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.318.149.048	-	-	7.318.149.048
- Thuế thu nhập cá nhân	206.338.789	157.188.722	-	363.527.511
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	397.047.288	-	-	397.047.288
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>10.296.458.046</b>	<b>16.378.751.169</b>	<b>13.612.508.420</b>	<b>13.062.700.795</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>199.948.629.937</b>	<b>199.948.629.937</b>	<b>79.310.296.123</b>	<b>87.245.137.626</b>	<b>207.883.303.840</b>	<b>207.883.303.840</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>189.509.888.181</i>	<i>189.509.888.181</i>	<i>79.310.296.123</i>	<i>81.496.999.821</i>	<i>191.696.591.879</i>	<i>191.696.591.879</i>
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thành Công (1)	59.878.725.900	59.878.725.900	33.156.887.500	32.807.323.931	59.529.162.331	59.529.162.331
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thành Công (USD)	32.790.544.702	32.790.544.702	11.440.708.990	11.191.064.517	32.540.900.229	32.540.900.229
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (2)	47.864.496.851	47.864.496.851	9.840.000.000	11.650.000.000	49.674.496.851	49.674.496.851
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính (3)	48.976.120.728	48.976.120.728	24.872.699.633	25.848.611.373	49.952.032.468	49.952.032.468
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</i>	<i>7.821.177.942</i>	<i>7.821.177.942</i>	-	<i>4.883.467.658</i>	<i>12.704.478.000</i>	<i>12.704.478.000</i>
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thành Công (VND) (4)	1.152.264.000	1.152.264.000	-	400.090.000	1.552.354.000	1.552.354.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thành Công (USD) (5)	381.709.000	381.709.000	167.600	382.379.400	763.920.800	763.920.800
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính (6)	6.195.204.942	6.195.204.942	-	4.054.998.258	10.250.203.200	10.250.203.200
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (7)	92.000.000	92.000.000	-	46.000.000	138.000.000	138.000.000
<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>2.617.563.814</b>	<b>2.617.563.814</b>	-	<b>864.670.147</b>	<b>3.482.233.961</b>	<b>3.482.233.961</b>
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VND)	2.073.181.944	2.073.181.944	-	687.064.817	2.760.246.761	2.760.246.761
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD)	544.381.870	544.381.870	-	177.605.330	721.987.200	721.987.200

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Nội dung	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>27.434.644.338</b>	<b>27.434.644.338</b>	<b>657.428</b>	-	<b>27.433.986.910</b>	<b>27.433.986.910</b>
<i>Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)</i>	<i>16.467.632.881</i>	<i>16.467.632.881</i>	-	-	<i>16.467.632.881</i>	<i>16.467.632.881</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thành Công (VND) (4)	2.580.788.500	2.580.788.500	-	-	2.580.788.500	2.580.788.500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính (6)	13.693.344.381	13.693.344.381	-	-	13.693.344.381	13.693.344.381
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (7)	193.500.000	193.500.000	-	-	193.500.000	193.500.000
- <i>Nợ thuê tài chính (3)</i>	<i>10.967.011.457</i>	<i>10.967.011.457</i>	<i>657.428</i>	-	<i>10.966.354.029</i>	<i>10.966.354.029</i>
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VND) (8)	9.874.934.320	9.874.934.320	-	-	9.874.934.320	9.874.934.320
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD) (9)	1.092.077.137	1.092.077.137	657.428	-	1.091.419.709	1.091.419.709
	<b>227.383.274.275</b>	<b>227.383.274.275</b>	<b>79.310.953.551</b>	<b>87.245.137.626</b>	<b>235.317.290.750</b>	<b>235.317.290.750</b>

- (1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 48425.16.058.946980.TD ngày 19 tháng 8 năm 2016 với giá trị hạn mức tín dụng bao gồm dư nợ, LC, bảo lãnh thanh toán: 90.000.000.000 đồng (trong đó dư nợ tối đa 60.000.000.000 đồng). Khoản vay để bổ sung vốn lưu động, mở LC, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động kinh doanh chăn, ga gối đệm, bông xơ của khách hàng. Lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ.
- (2) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐHMTD.80/2016/PVBĐĐ – G.HOME ngày 14 tháng 7 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh bông tằm và chăn ga gối đệm, lãi suất cho vay được ghi nhận cụ thể trong các khế ước nhận nợ.
- (3) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 160042/HĐTDK/VCB-DMGH ngày 04 tháng 05 năm 2016 với hạn mức 50.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay của mỗi khoản nợ tối đa là 09 tháng, lãi suất vay là 7%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (4) Khoản vay VND theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 76.12.058.946980.TD ngày 05 tháng 10 năm 2012 để thanh toán một phần tiền mua máy móc, thiết bị của BUKYUNG và thanh toán một phần tiền mua 01 xe tải thùng nhãn hiệu THACO-TMB; lãi suất từ 8,9%/năm – 14%/năm.
- (5) Khoản vay USD theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 33.12.058.946980.TD ngày 27 tháng 4 năm 2012 và hợp đồng số 34.12.058.946980.TD ngày 16 tháng 5 năm 2012 để thanh toán một phần hợp đồng nhập khẩu dây chuyền sản xuất đệm bông ép do Hàn Quốc sản xuất; lãi suất 9%/năm. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 33.520 USD.
- (6) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng số 01G.HOME/2010/ĐTDA-SGD ngày 24 tháng 5 năm 2010, số 02/TH-2013/MTV/GHOMÉ-KH ngày 20 tháng 9 năm 2013 và số 01.2013/MTV/GHOMÉ—KH ngày 11 tháng 3 năm 2013 để đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất đệm lò xo bông tằm, nhập khẩu máy móc và mua ô tô; lãi suất từ 7,68%/năm đến 10%/năm.
- (7) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số HĐCV-TCKT-02/2015/PVCOMBANK-GHOMÉ ngày 14 tháng 5 năm 2015 để thanh toán một phần mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh với thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất theo quy định của PVCOMBANK tại thời điểm giải ngân và có sự điều chỉnh 03 tháng một lần. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ khoản vay.
- (8) Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00126-000 ngày 31 tháng 7 năm 2015 giữa Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty. Thời gian thuê 60 tháng. Lãi suất thuê là 8,5%/năm tính trên số dư gốc thuê (Lãi suất có thể điều chỉnh được trong suốt thời gian thuê).
- (9) Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00029-000 ngày 26 tháng 3 năm 2015 ký giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty. Thời gian thuê 48 tháng. Lãi suất thuê là 4,66%/năm tính trên gốc thuê theo nguyên tệ (USD).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2016</b>	<b>96.000.000.000</b>	<b>461.695.416</b>	<b>10.002.475.965</b>	<b>(82.090)</b>	<b>106.464.171.381</b>
- Tăng vốn trong năm	48.000.000.000	-	-	-	48.000.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	12.562.252.338	-	12.562.252.338
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	932.697.604	(6.384.220.808)	-	(5.451.523.204)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	932.697.604	(932.697.604)	-	-
+ Trích Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	-	-	(116.587.201)	-	(116.587.201)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(582.936.003)	-	(582.936.003)
+ Trích cổ tức chi trả	-	-	(4.320.000.000)	-	(4.320.000.000)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(432.000.000)	-	(432.000.000)
- Giảm khác	-	-	(82.090)	82.090	(82.090)
<b>31/12/2016</b>	<b>144.000.000.000</b>	<b>1.394.393.020</b>	<b>16.180.425.405</b>	<b>-</b>	<b>161.574.818.425</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>144.000.000.000</b>	<b>1.394.393.020</b>	<b>16.180.425.405</b>	<b>-</b>	<b>161.574.818.425</b>
- Lỗi trong kỳ	-	-	(18.872.445.226)	-	(18.872.445.226)
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	628.112.617	(1.861.847.757)	-	(1.233.735.140)
<b>30/06/2017</b>	<b>144.000.000.000</b>	<b>2.022.505.637</b>	<b>(4.553.867.578)</b>	<b>-</b>	<b>141.468.638.059</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	36.000.000.000	36.000.000.000
Bà Trần Thị Kiều Nga	26.700.000.000	26.700.000.000
Các cổ đông khác	81.300.000.000	81.300.000.000
	<b>144.000.000.000</b>	<b>144.000.000.000</b>

**20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	<b>Từ 01/01/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016</b>
	<b>đến 30/06/2017</b>	<b>đến 30/06/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	144.000.000.000	96.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	48.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	144.000.000.000	144.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>480.000.000</b>	<b>4.320.000.000</b>

**20.4 CỔ PHIẾU**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>CP</b>	<b>CP</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.400.000	14.400.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**20.5 CÁC QUỸ**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	2.022.505.637	1.394.393.020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	80.008.874.225	19.967.960.540
Doanh thu bán thành phẩm	73.795.161.111	115.994.439.226
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.474.931.358
	<b>153.804.035.336</b>	<b>137.437.331.124</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>36.575.394.580</b>	<b>510.000.000</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	18.726.181.900	510.000.000
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn G.Home - Chi nhánh Đà Nẵng	125.198.460	-
Công ty TNHH Bông và Chăn bông G.Home	17.724.014.220	-

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	78.515.645.402	18.139.555.258
Giá vốn thành phẩm đã bán	82.274.737.266	101.358.690.727
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	1.038.526.326
	<b>160.790.382.668</b>	<b>120.536.772.311</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	488.594.293	1.081.433.018
Lãi chênh lệch tỷ giá	105.889.447	80.548.007
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	22.124
	<b>594.483.740</b>	<b>1.162.003.149</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	8.412.894.138	6.223.527.569
Lãi thuê tài chính	174.819.387	704.750.289
Lỗ chênh lệch tỷ giá	198.684.926	66.976.212
	<b>8.786.398.451</b>	<b>6.995.254.070</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>2.673.182.049</b>	<b>1.938.792.509</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.017.413.879	748.268.528
Chi phí vật liệu quản lý	22.504.240	63.762.073
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.665.221	21.990.088
Chi phí khấu hao TSCĐ	133.880.195	69.127.068
Thuế phí, lệ phí	36.000.000	158.485.743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	990.987.455	705.342.925
Chi phí quản lý khác	452.731.059	171.816.084
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>1.181.519.268</b>	<b>1.423.411.614</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	298.217.253	364.612.802
Chi phí vật liệu, bao bì	403.263.178	426.388.975
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng		
Chi phí khấu hao TSCĐ	254.998.834	269.771.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.904.198	313.276.794
Chi phí bán hàng khác	139.135.805	49.361.481
	<b>3.854.701.317</b>	<b>3.362.204.123</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Thu tiền cho thuê tài sản	1.310.000.000	-
Các khoản khác	26.029.843	866.019
	<b>1.336.029.843</b>	<b>866.019</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	15.554.872
Chi hoạt động cho thuê máy	1.169.751.238	-
Các khoản chi phí khác	5.760.471	317.456
	<b>1.175.511.709</b>	<b>15.872.328</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(18.872.445.226)</b>	<b>7.690.097.460</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	-	<b>19.060.880</b>
- Các khoản chi phí (phạt)	-	15.872.328
- Chi phí không hợp lý khác (ko đầy đủ hóa đơn chứng từ)	-	3.188.552
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>(18.872.445.226)</b>	<b>7.709.158.340</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	-	<b>1.541.831.668</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.541.831.668</b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	122.345.442.069	94.810.006.753
Chi phí nhân công	2.922.878.671	4.318.269.887
Khấu hao tài sản cố định	7.233.971.377	6.896.057.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.033.738.409	1.787.831.370
Chi phí bằng tiền khác	723.720.921	1.661.280.926
	<b>135.259.751.447</b>	<b>109.473.446.115</b>

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**30.1 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 CP	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	14.400.000	9.600.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ	-	4.800.000
<b>Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ</b>	<b>14.400.000</b>	<b>12.423.626</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)**

**30.2 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	(18.872.445.226)	6.148.265.792
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	14.400.000	12.423.626
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(1.311)</b>	<b>495</b>

(\*) Lợi nhuận sau thuế dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa loại trừ số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 do Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận sau thời điểm phát hành báo cáo này.

**31. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.15.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.037.218.760	4.414.664.309
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu khách hàng	176.379.693.357	116.702.119.963
Phải thu khác	5.757.312.645	4.640.647.400
<b>Cộng</b>	<b>193.174.224.762</b>	<b>131.757.431.672</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	227.383.274.275	235.317.290.750
Phải trả người bán	61.606.648.846	35.427.631.172
Chi phí phải trả	3.921.437.367	1.005.691.162
<b>Cộng</b>	<b>292.911.360.488</b>	<b>271.750.613.084</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(99.737.135.726)</b>	<b>(139.993.181.412)</b>

Tại ngày 30/06/2017, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư cổ phiếu.

Một số khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà vì mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này nên rủi ro về giá là thấp.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>30/06/2017</b>			
Vay và nợ	199.948.629.937	27.434.644.338	227.383.274.275
Phải trả người bán	61.606.648.846	-	61.606.648.846
Chi phí phải trả	3.921.437.367	-	3.921.437.367
<b>Cộng</b>	<b>265.476.716.150</b>	<b>27.434.644.338</b>	<b>292.911.360.488</b>
<b>01/01/2017</b>			
Vay và nợ	207.883.303.840	27.433.986.910	235.317.290.750
Phải trả người bán	35.427.631.172	-	35.427.631.172
Chi phí phải trả	1.005.691.162	-	1.005.691.162
<b>Cộng</b>	<b>244.316.626.174</b>	<b>27.433.986.910</b>	<b>271.750.613.084</b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời gian quá hạn thanh toán tính từ ngày đáo hạn theo hợp đồng đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Số liệu trong bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>30/06/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.037.218.760	-	5.037.218.760
Phải thu khách hàng	176.379.693.357	-	176.379.693.357
Phải thu khác	3.407.913.245	2.349.399.400	5.757.312.645
<b>Cộng</b>	<b>190.824.825.362</b>	<b>2.349.399.400</b>	<b>193.174.224.762</b>
<b>01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.414.664.309	-	4.414.664.309
Phải thu khách hàng	116.702.119.963	-	116.702.119.963
Phải thu khác	2.291.248.000	2.349.399.400	4.640.647.400
<b>Cộng</b>	<b>129.408.032.272</b>	<b>2.349.399.400</b>	<b>131.757.431.672</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

*Phải thu khách hàng*

Để quản lý phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng, Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

*Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

**33. THÔNG TIN KHÁC**

**33.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Ngoại tệ các loại		
+ USD	15.473,30	2.646,22

**33.2 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong kỳ như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	Cổ đông sở hữu 12,5% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Đệm và Nội Thất G.Home	Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**33.2 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Thu nhập của ban Giám đốc**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND</b>
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>480.000.000</b>	<b>487.141.500</b>
- Thù lao của Hội đồng quản trị	480.000.000	55.141.500
- Lương của Tổng Giám đốc	-	432.000.000

**Giao dịch với các bên liên quan**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home</b>		
Mua nguyên vật liệu	1.251.435.200	403.091.658
Lãi cho vay	132.221.528	-
Chuyển tiền cho vay	17.666.000.000	-
Doanh thu cho thuê máy dệt	510.000.000	-
Bán hàng hóa sản phẩm	18.851.380.360	-
<b>Công ty TNHH Dệt và Nội thất G.Home</b>		
Mua hàng	-	3.564.165.000

**33.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được soát xét.



Nguyễn Hách  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 10 năm 2017

Nguyễn Thị Hương Huyền  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương Huyền  
Người lập